

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒN ĐẤT  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 26 - 4 - 2024  
V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Cẩm Tú.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Phạm Hồng Gái.
- Ông Nguyễn Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đinh Thị Ngọc Lan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp về xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu P, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: tổ 15 ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Văn H, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: địa chỉ cư trú: tổ 15 ấp LH, xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/3/2024 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Nguyễn Thu P trình bày:*

Bà chồng là ông Phạm Văn H do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2002, chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, ông H hay nhậu nhẹt, ghen tuông vô cớ. Ông, bà vẫn sống cùng

trong nhà nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không tự giải quyết được, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc.

Về con chung: Ông, bà có ba đứa con chung tên Phạm Nguyễn Minh S sinh ngày 06/5/2003, Phạm Thị Ngọc G sinh ngày 06/7/2006 và Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 05/01/2010, các con hiện đang ở chung với ông, bà.

Về tài sản, về nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, bà yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho bà được ly hôn với chồng là ông Phạm Văn H. Về nuôi con: Cháu Phạm Nguyễn Minh S đã trưởng thành, tự quyết định sống chung với cha hoặc mẹ, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng hai đứa con nhỏ là Phạm Thị Ngọc G và Phạm Thị Ngọc T, không yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 25/3/2024 bị đơn là ông Phạm Văn H trình bày:*

Ông và vợ là Nguyễn Thu P do mai mối, được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2002, chưa đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 02/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Vợ chồng ông hiện nay vẫn sống cùng trong nhà nhưng mâu thuẫn không đến mức không tự giải quyết được. Nay bà Nguyễn Thu P yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà P, ông muốn được hàn gắn lại với bà P.

Tuy nhiên, trường hợp nếu Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn thì ông đồng ý giao 02 người con chung tên Phạm Thị Ngọc G sinh ngày 06/7/2006 và Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 05/01/2010 cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng.

Về tài sản, về nợ: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P có đơn yêu cầu không hòa giải và giải quyết vắng mặt. Ông H đã được triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thu P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm Văn H và giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Ông H với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã LH, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Bà P có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; ông H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của ông, bà không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông, bà và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông, bà là phù hợp với quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Bà P và ông H chung sống như vợ chồng từ năm 2002 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, ông, bà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì bà P và ông H không được công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con:

Bà P, ông H có 03 đứa con chung tên là Phạm Nguyễn Minh S sinh ngày 06/5/2003, Phạm Thị Ngọc G sinh ngày 06/7/2006 và Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 05/01/2010, các cháu đang sống chung cùng cha, mẹ.

Cháu S đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống với cha hoặc mẹ.

Bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai cháu G và T, các cháu G và T có nguyện vọng sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án ông H cũn thống nhất giao các cháu G, T cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng nếu Tòa án giải quyết cho ông, bà ly hôn. Đối cH với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử (HĐXX) giao các cháu G, T cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Bà P, ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trường hợp, ông bà có phát sinh tranh chấp về tài sản, nợ thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải phải án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thu P và ông Phạm Văn H là vợ chồng.

2. Về nuôi con:

Giao các Phạm Thị Ngọc G sinh ngày 06/7/2006 và Phạm Thị Ngọc T sinh ngày 05/01/2010 cho bà P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Ông H được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu Phạm Nguyễn Minh S sinh ngày 06/5/2003 đã trưởng thành nên tự quyền quyết định sống chung với cha hoặc mẹ.

3. Về án phí: Bà P phải phải án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007103 ngày 12/3/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh KG.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Cẩm Tú**